

Số: /KH-PGDĐT

Kiến An, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024

Thực hiện Công văn số 2518/SGDĐT-VP ngày 15/9/2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Kiến An xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo trọng tâm về công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục; thống nhất trong nhận thức đầy đủ, toàn diện về chủ trương CDS của Trung ương, thành phố, quận và toàn ngành Giáo dục; tập trung xây dựng và hoàn thiện các nền tảng, tiếp tục khơi gợi sự sáng tạo đột phá để ứng dụng CNTT và CDS mạnh mẽ trong mọi hoạt động của ngành.

2. Triển khai phần mềm quản trị trong các cơ sở giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành. Mở rộng hoàn thiện CSDL ngành, triển khai các hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu giữa các đơn vị trong ngành Giáo dục; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa ngành GD&ĐT với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL của thành phố phục vụ công tác báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý GD&ĐT.

3. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt trong GD&ĐT.

4. Tăng cường các nguồn lực của Nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong GD&ĐT.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. CDS trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo

dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

1.1. Duy trì và sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (*LMS*) trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (*phụ huynh*) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

1.2. Tăng cường xây dựng học liệu số (*bao gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học*); đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ GD&ĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

1.3. Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đối với những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện (*cần có kế hoạch và xác định các bước thực hiện từ triển khai thí điểm đến triển khai nhân rộng một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả*).

1.4. Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: Ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến.

1.5. Rà soát, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn Tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (*mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022*) phục vụ dạy môn Tin học: Tối đa 2-3 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp Tiểu học; tối đa 2 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp THCS. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Xây dựng phòng Studio (*ở những nơi có nhu cầu và điều kiện*) phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến (*gồm máy tính, thiết bị phụ trợ và các phần mềm cần thiết*).

1.6. Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (*bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học*), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2. CDS trong quản trị trường học

2.1. Đảm bảo 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trong toàn quận chính thức sử dụng các nghiệp vụ quản lý trường học (*quản lý học tập, quản lý giảng dạy, quản lý số điểm, học bạ điện tử...*) và báo cáo trên hệ thống CSDL ngành <http://csdl.haiphong.edu.vn> từ năm học 2023-2024.

2.2. Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: Sổ điểm, học bạ, hồ sơ chuyên môn, áp dụng chữ ký số trong quản lý sổ điểm, học bạ và hồ sơ chuyên môn; ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục.

2.3. Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (*bao gồm phần mềm quản trị thư viện và CSDL số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học*), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2.4. Triển khai mở rộng, thực hiện ký số văn bản trên hệ thống quản lý hành chính điện tử (*HPNET-eOffice*), liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa tất cả các cơ sở giáo dục với các cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan quản lý ở địa phương.

2.5. Triển khai nâng cấp Cổng thông tin điện tử đối với các cấp Mầm non, Tiểu học, THCS đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GD&ĐT.

3. Xây dựng hoàn thiện CSDL ngành và công tác thống kê giáo dục

3.1. Tổ chức cập nhật dữ liệu trên hệ thống CSDL ngành GD&ĐT tại địa chỉ <http://csdl.haiphong.edu.vn>, đảm bảo thông tin trên CSDL ngành đáp ứng tiêu chí “*đúng, đủ, sạch, sống*”.

3.2. Đảm bảo 100% thông tin định danh cá nhân của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được cập nhật đầy đủ, chính xác và xác thực định danh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*CSDLQGvDC*).

3.3. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ GD&ĐT về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

4. Tuyên truyền, thực hiện hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt

4.1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tập trung một số dịch vụ công trực tuyến thường xuyên phát sinh trong thực tế như:

- Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;
- Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;
- Dịch vụ trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp (*mầm non, lớp 1, lớp 6*);

- Dịch vụ cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc;
- Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ;
- Dịch vụ công chuyển trường đối với học sinh Trung học phổ thông; Trung học cơ sở;
- Dịch vụ công hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo;
- Dịch vụ công trợ cấp đối với trẻ em mồ côi là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp;
- Các dịch vụ công thuộc phạm vi, chức năng của ngành mà người dân, tổ chức thường xuyên có nhu cầu thực hiện.

4.2. Đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục trong toàn quận thực hiện thanh toán các loại phí bằng phương thức không dùng tiền mặt trong năm học 2023-2024. Các cơ sở giáo dục cần lưu ý:

- Triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt đảm bảo đa dạng hóa các kênh thanh toán để phụ huynh học sinh, người học có nhiều sự lựa chọn, thuận tiện trong thanh toán học phí và các khoản thu khác; trong đó có kênh thanh toán miễn phí giao dịch nhằm khuyến khích phụ huynh, học sinh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.
- Việc phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng: Ưu tiên các ngân hàng, tổ chức tín dụng có chính sách hỗ trợ tốt với các cơ sở giáo dục và phụ huynh, học sinh như tài trợ chi phí khởi tạo, phí duy trì hàng năm phần mềm quản lý các khoản thu và các chính sách hỗ trợ khác.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số phục vụ CDS

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và CDS cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong nhà trường.
- Rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, CDS và làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục ở tất cả các cấp.

6. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong GD&ĐT

- Rà soát có kế hoạch bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet tại các cơ sở giáo dục.
- Đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh

tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn lực:

- Đối với cơ sở giáo dục: Phân công 01 lãnh đạo nhà trường phụ trách và 01 cán bộ có kỹ năng tốt về CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

- Triển khai tập huấn giáo viên bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo 100% giáo viên được cấp tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên.

2. Triển khai hiệu quả việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

3. Tăng cường công tác thể chế: Các đơn vị rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định Nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, CDS giáo dục

- Bố trí nguồn kinh phí hợp lý từ ngân sách hằng năm của đơn vị đầu tư cho hoạt động bảo trì, nâng cấp ứng dụng và phát triển CNTT; đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL ngành Giáo dục.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về vai trò của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động GD&ĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày CDS Quốc gia vào ngày 10/10 hằng năm.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển

khai ứng dụng CNTT, CDS, công tác thống kê trong giáo dục; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số CDS đối với cơ sở giáo dục.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng GD&ĐT

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra đánh giá các cơ sở giáo dục thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình ứng dụng CNTT và công tác CDS giữa năm học 2023-2024 và gửi về Sở GD&ĐT trước **ngày 25/01/2024**.

- Triệu tập cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia đào tạo bồi dưỡng ứng dụng CNTT, CDS năm học 2023-2024 theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2023-2024 và gửi về Sở GD&ĐT trước **ngày 10/6/2024**.

2. Các cơ sở giáo dục

- Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2023-2024, gửi về Phòng GD&ĐT để tổng hợp, báo cáo Sở GD&ĐT (*qua hệ thống HPNET-eOffice*) **trước ngày 25/9/2023**.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo số liệu trên CSDL ngành theo quy định (*báo cáo đầu năm, giữa năm, cuối năm*) và các báo cáo đột xuất khi được yêu cầu.

- Báo cáo về Phòng GD&ĐT việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ, hoạt động liên quan đến việc triển khai ứng dụng CNTT, CDS tại đơn vị (*nếu có*).

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình ứng dụng CNTT và công tác CDS giữa năm học 2023-2024 và gửi về Phòng GD&ĐT trước **ngày 20/01/2024**.

- Cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia đào tạo bồi dưỡng ứng dụng CNTT, CDS năm học 2023-2024 theo chỉ đạo của Sở, Phòng GD&ĐT.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2023-2024 và gửi về Phòng GD&ĐT trước **ngày 05/6/2024**.

Phòng GD&ĐT gửi kèm theo Phụ lục danh sách các văn bản của Trung ương, Bộ GD&ĐT, UBND thành phố và Sở GD&ĐT liên quan đến triển khai ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục để các cơ sở giáo dục nghiên cứu, quán triệt thực hiện.

Phòng GD&ĐT yêu cầu các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc các nội dung của Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Phòng GD&ĐT để được hỗ trợ, tư vấn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Các lớp MNĐL;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Tuyết

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ
VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024
(kèm theo Kế hoạch số: /KH-PGDĐT ngày tháng 9 năm 2023
của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Kiến An)

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
2. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
3. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GD&ĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GD&ĐT;
4. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
5. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó GD&ĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GD&ĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;
6. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
7. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”, trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;
8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;
9. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Đề án “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*”;

10. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ GD&ĐT quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

11. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

12. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ GD&ĐT quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

14. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục;

15. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

20. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

21. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

22. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục;

23. Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

24. Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.